

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:37/2019/HNGĐ-ST

Ngày 20/8/2019

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Bình.

Bà Nguyễn Thị Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa

Trong ngày 20/8/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 41/2019/TLST- HNGĐ ngày 22/3/2019 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐXX-ST ngày 31/7/2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Ngô Thị Thu G - sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu 4, thị trấn T, huyện HH, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Chị Ngô Thị Phương T - Sinh năm 1990. Địa chỉ: Khu 4, thị trấn T, huyện HH, tỉnh Bắc Giang.

(Chị Ngô Thị Thu G xin vắng mặt tại phiên tòa.)

*** Bị đơn:** Anh Joo H I - sinh năm 1980.

Địa chỉ: 10-** Heukseok – Ro – Dongajak –gu, Seoul- Si, Hàn Quốc

Hiện nay đang ở địa chỉ: Phòng 4**, Lô 3 Hansul Maeul, 2** Baekhyeon-ro, Bundang-gu, Seongnam-si.

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Phạm Thị Kim M - Sinh năm 1969. Địa chỉ: Khu 4, thị trấn T, huyện HH, tỉnh Bắc Giang.

(Anh Joo H I xin vắng mặt tại phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 04/3/2019 nguyên đơn là chị Ngô Thị Thu G trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Joo H I kết hôn ngày 18/7/2018. Trước khi kết hôn chúng tôi được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND huyện HH, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn thì anh Joo H I sống với tôi khoảng 01 tháng ở Việt Nam, trong thời gian này vợ chồng đã cãi nhau không thể hòa hợp được. Khoảng tháng 9/2018 thì anh Joo H I về Hàn Quốc sinh sống và làm việc. Từ khi về Hàn Quốc thì anh Joo H I không liên lạc với tôi nữa. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Joo H I.

2. Về con chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết

3. Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do điều kiện tôi đi làm việc ở xa nên không thể về tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa tôi và anh Joo H I được. Vì vậy, tôi đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa tôi và anh Joo H I, Tôi giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại đơn khởi kiện và bản tự khai. Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài tôi xin tự nguyện chịu cả tôi không có ý kiến gì.

* Bị đơn là anh Joo H I có địa chỉ tại Hàn Quốc trình bày: Tôi lấy cô Ngô Thị Thu G qua công ty môi giới kết hôn tại Hàn Quốc. Tôi về Việt Nam vào ngày 04/5/2018, gặp mặt và nói chuyện thông qua phiên dịch. Tôi thấy rất có cảm tình và muốn lấy cô ấy làm vợ. Ngày 06/5/2018 chúng tôi làm lễ đính hôn tại Hải Phòng rồi đi du lịch, sau đó tôi về Hàn Quốc. Ngày 18/7/2018 chúng tôi làm giấy chứng nhận kết hôn tại UBND huyện HH, tỉnh Bắc Giang. Được một hôm tôi về nhà cô ấy chơi thì chúng tôi xảy ra mâu thuẫn, chúng tôi thường cãi vã nhau vặt. Cô ấy không quan tâm đến tôi, tôi chán bỏ về Hàn Quốc. Kể từ đây chúng tôi không hề liên lạc với nhau. Tôi quyết định viết đơn ly hôn để mỗi người có cuộc sống mới. Chúng tôi chưa làm thủ tục visa, cô ấy chưa sang Hàn Quốc. Vì thế chúng tôi cùng nhau viết đơn ly hôn để xin Tòa giải quyết ly hôn cho chúng tôi tại Việt Nam.

Về con chung: Chúng tôi chưa có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: chúng tôi không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận công việc nên tôi không thể tham dự các phiên xét xử của Tòa án như thu thập nội dung khai báo, phiên xét xử, phiên hòa giải, phiên công khai chứng cứ. Tôi xin phép được vắng mặt trong tất cả các phiên xử của Tòa án, phiên thu thập nội dung khai báo, phiên hòa giải. Tôi giữ nguyên quan điểm như đã khai báo và không bổ sung thêm nội dung gì. Kính mong quý Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án tôi (Joo H I) ủy quyền cho bà Phạm Thị Kim M thay mặt tôi đến Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang nộp các tài liệu chứng cứ, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho tôi; nhận bản án, trích lục khi Tòa án xét xử xong vụ án ly hôn giữa tôi và chị Ngô Thị Thu G. Bà Phạm Thị Kim M có trách nhiệm thông báo lại nội dung các văn bản trên cho tôi biết ngay.

*Tại phiên tòa sơ thẩm chị Ngô Thị Thu G và anh Joo H I có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) công bố đơn khởi kiện; bản tự khai của chị Ngô Thị Thu G và anh Joo H I , tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Ngô Thị Thu G là công dân có địa chỉ cư trú tại khu 4, thị trấn T, huyện HH, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam có kết hôn với anh Joo H I tại UBND huyện HH, tỉnh Bắc Giang. Hiện chị Ngô Thị Thu G có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Joo H I hiện đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, có địa chỉ ở: 10-** Heukseok - Ro - Dongajak-gu, Seoul-Si, Hàn Quốc. Hiện nay đang ở địa chỉ: Phòng 4**, Lô 3 Hansul Maeul, 2** Baekhyeon-ro, Bundang-gu, Seongnam-si. Như vậy, Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn có đương sự là người nước ngoài, đang cư trú ở nước ngoài và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 127- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2]. Về việc đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã ban hành văn bản tố tụng và gửi cho các đương sự về thời gian xét xử vụ án. Chị Ngô Thị Thu G và anh Joo H I có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238; điểm b, khoản 5, Điều 477- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt chị Ngô Thị Thu G và anh Joo H I.

[3]. Về quan hệ vợ chồng: chị Ngô Thị Thu G và anh Joo H I kết hôn trên cơ sở có được tự do tìm hiểu, tự nguyện, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND huyện

HH, tỉnh Bắc Giang. Ngày 18/7/2018 Ủy ban nhân dân huyện HH, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam đã chứng nhận kết hôn giữa chị Ngô Thị Thu G và anh Joo H I, do vậy Tòa án xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi chung sống với nhau một thời gian ngắn thì chị Ngô Thị Thu G và anh Joo H I phát sinh mâu thuẫn không thể hòa hợp được vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nên anh Joo H I quay trở về Hàn Quốc để sinh sống. Từ khi về Hàn Quốc thì anh Joo H I không liên lạc với chị Ngô Thị Thu G nữa. Nay chị Ngô Thị Thu G và anh Joo H I đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ngô Thị Thu G và anh Joo H I là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Ngô Thị Thu G và anh Joo H I được ly hôn.

[4]. Về con chung: chị Ngô Thị Thu G khai chị và anh Joo H I không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: chị Ngô Thị Thu G khai chị và anh Joo H I không có tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về chi phí tố tụng:

[6.1]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Ngô Thị Thu G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Ngô Thị Thu G đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

[6.2]. Về lệ phí ủy thác tư pháp tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án ra nước ngoài: Căn cứ quy định tại Điều 151; khoản 3, Điều 153; Điều 154- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xử lý như sau: Do anh Joo H I đã ủy quyền cho bà Phạm Thị Kim M nhận văn bản tố tụng của Tòa án nên không phải ủy thác tư pháp tổng đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài. Số tiền 200.000 đồng chị Ngô Thị Thu G đã nộp tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp tại biên lai số AA/2018/0000283 ngày 19/4/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang được trả lại cho chị G.

[7]. Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 123; Điều 127- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; Điều 151; khoản 3, Điều 153; Điều 154; khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; điểm b, khoản 5, Điều 477; khoản 2, Điều 479 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Ngô Thị Thu G được ly hôn anh Joo H I.

2. Về chi phí tố tụng:

- Về án phí sơ thẩm: chị Ngô Thị Thu G phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000256 ngày 22/3/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Ngô Thị Thu G đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Trả lại chị Ngô Thị Thu G số tiền 200.000 đồng đã nộp tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp tại biên lai số AA/2018/0000283 ngày 19/4/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

- Anh Joo H I hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Ngô Thị Thu G hiện cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- UBND huyện HH;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng